

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 9 – CẦN THƠ
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 41/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 25- 8 -2025
V/v Yêu cầu Tòa án không công nhận
quan hệ vợ chồng

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9 – CẦN THƠ, THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Hải Duy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Thành Phước
2. Ông Nguyễn Thành Tâm

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Thanh Huy – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 9 – Cần Thơ, thành phố Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 – Cần Thơ, thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Minh Hiền – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 8 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 9 – Cần Thơ, thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý 83/2025/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 4 năm 2025 về tranh chấp “Yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 61/2025/QĐXX-ST ngày 04 tháng 8 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị L, sinh ngày 01/01/1977; CCCD số: 094177006735; Cấp ngày 9/7/2021. (Số điện thoại: 037476024).

Địa chỉ: ấp Đ, xã A, thành phố Cần Thơ.

Bị đơn: Ông Lê Văn D, sinh ngày 01/01/1971; CCCD số: 094071010124; Cấp ngày 09/8/2021. Số điện thoại: 0373.671192.

Địa chỉ: ấp Đ, xã A, thành phố Cần Thơ.

(Các đương sự đều có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 15/8/2025, các lời khai có trong hồ sơ vụ án và tại phiên Tòa, nguyên đơn là bà Nguyễn Thị L trình bày:

Vào tháng 9/2001 bà Nguyễn Thị L và ông Lê Văn D tự nguyện sống chung và có tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương, nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Vợ chồng sống hạnh phúc đến tháng 8/2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng ý kiến trong cuộc sống, nên cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc. Bà L và ông D sống ly thân từ tháng 8/2023 cho đến nay.

Về con chung: Trong thời gian chung sống có 01 con chung tên Lê Thị T, sinh ngày 22/5/2002, hiện nay cháu T đã thành niên, không mắc bệnh tật gì.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận.

Về nợ chung: Không có.

Nay bà Nguyễn Thị L yêu cầu như sau: Yêu cầu không công nhận bà Nguyễn Thị L và ông Lê Văn D là vợ chồng.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận.

Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là ông ông Lê Văn D trình bày:

Thống nhất theo lời trình bày của bà Nguyễn Thị L. Nay ông Lê Văn D có ý kiến như sau:

Đồng ý không công nhận bà Nguyễn Thị L và ông Lê Văn D là vợ chồng.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận.

Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 – Cần Thơ, thành phố Cần Thơ phát biểu:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử và tư cách của người tham gia tố tụng đã tuân thủ theo đúng quy định Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị L.

Về án phí, chi phí tố tụng khác: Các đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Tại phiên Tòa, nguyên đơn vẫn giữ yêu cầu không công nhận giữa nguyên đơn và bị đơn là vợ chồng. Xét thấy, nguyên đơn và bị đơn có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình nhưng chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Cho nên, đã đủ căn cứ để Hội đồng xét xử tuyên bố không công nhận quan hệ hôn nhân giữa nguyên đơn và bị đơn là phù hợp với quy định tại Điều 9 và Điều 14 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[2] **Về con chung và cấp dưỡng nuôi con:** Do con chung tên là Lê Thị T, sinh ngày 22/5/2002 hiện nay đã trưởng thành và phát triển bình thường về mặt thể chất và tinh thần, không có đương sự có yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[3] **Về tài sản chung:** Do nguyên đơn và bị đơn khai tự thỏa thuận nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét trong vụ án này.

[4] **Về nợ chung:** Do nguyên đơn và bị đơn khai không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét trong vụ án này.

[5] **Về án phí HNST:** Nguyên đơn phải chịu tiền án phí HNST.

[6] **Về án phí HNST:** Nguyên đơn phải chịu án phí HNST.

[7] Về ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa: Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 – Cần Thơ, thành phố Cần Thơ phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 9, Điều 14, Điều 15, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008, đã được sửa đổi bổ sung năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị L và ông Lê Văn D.

2. Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Do con chung tên là Lê Thị T, sinh ngày 22/5/2002 hiện nay đã trưởng thành không có đương sự có yêu cầu gì nên

Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung: Do bà Nguyễn Thị L và ông Lê Văn D khai tự thỏa thuận nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét trong vụ án này.

4. Về nợ chung: Do bà Nguyễn Thị L và ông Lê Văn D khai không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét trong vụ án này.

5. Về án phí và chi phí tố tụng:

Bà Nguyễn Thị L phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm. Bà Nguyễn Thị L đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0001058 ngày 14/4/2025 của Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Cù Lao Dung nên được khấu trừ, không phải nộp tiếp.

6. Án xử công khai, bà Nguyễn Thị L và ông Lê Văn D có mặt tại phiên Tòa và có mặt khi tuyên án.

Thời hạn kháng cáo đối với bản án của Tòa án cấp sơ thẩm là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; đối với đương sự, đại diện cơ quan, tổ chức hoặc cá nhân khởi kiện không có mặt tại phiên Tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày họ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Đối với trường hợp đương sự, đại diện cơ quan, tổ chức hoặc cá nhân khởi kiện đã tham gia phiên Tòa nhưng vắng mặt khi Tòa án tuyên án mà không có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày tuyên án.

7. Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải trả khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

8. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các qui định tại các Điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND thành phố Cần Thơ;
- VKSND KV9 - Cần Thơ;
- THADS thành phố Cần Thơ;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- UBND xã (phường) cấp giấy CNKH
- Lưu HSVA.

Phạm Hải Duy

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Hải Duy

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND thành phố Cần Thơ;
- VKSND KV9 - Cần Thơ;
- THADS thành phố Cần Thơ;
- UBND xã (phường) cấp giấy CNKH
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Hải Duy

